

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ TÀI CHÍNH**

**Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018**  
**hướng dẫn kế toán dự trữ quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 31 + 32)

**Phụ lục số 03****HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018  
của Bộ Tài chính)*

**I. DANH MỤC SỔ KẾ TOÁN**

<b>STT</b>	<b>Tên sổ</b>	<b>Ký hiệu mẫu sổ</b>
1	2	3
1	Sổ chi tiết hàng dự trữ quốc gia thừa	S80-DT
2	Sổ chi tiết hàng dự trữ quốc gia thiếu	S81-DT
3	Sổ chi tiết theo dõi hàng dự trữ quốc gia	S82-DT
4	Sổ theo dõi chi phí nhập hàng dự trữ quốc gia	S83-DT
5	Sổ theo dõi chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia	S84-DT
6	Sổ theo dõi chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia	S85-DT
7	Sổ theo dõi chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ	S86-DT
8	Sổ chi tiết thanh toán về bán, thu nợ hàng dự trữ quốc gia bằng tiền	S87-DT

**II. MẪU SỐ KẾ TOÁN**

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....

ĐƠN VỊ:.....

**Mẫu số: S80-DT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA THỪA**

Năm:.....

Tên tài khoản..... Ký hiệu.....

Tên hàng dự trữ quốc gia..... Đơn vị tính.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Tài khoản đối ứng	Nợ		Có		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	E	1	2	3	4	F
			D					
			- Dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ .....					
			- Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm - Dư cuối kỳ					

- Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

*Ngày... tháng... năm.....***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI GHI SỐ***(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....  
 ĐƠN VỊ:.....

**Mẫu số: S81-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT HÀNG DỰ TRÙ QUỐC GIA THIẾU**

Năm:.....

Tên tài khoản..... Ký hiệu.....  
 Tên hàng dự trữ quốc gia..... Đơn vị tính.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Nợ		Có		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	F
			- Dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ .....						
			- Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm - Dư cuối kỳ						

- Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....  
 - Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GHI SỔ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐƠN VỊ:**.....

**Mẫu số: S82-DT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THEO DỒI HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Năm:.....

- Tên tài khoản:.....
- Ký hiệu:.....
- Loại hàng dự trữ quốc gia:..... Đơn vị tính.....
- Tên kho:.....
- Ký hiệu ngăn (lô) kho:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8

- Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang .....
- Ngày mở sổ:.....

**NGƯỜI GHI SỔ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....  
 ĐƠN VỊ:.....

**Mẫu số: S83-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**SỐ THEO DÕI CHI PHÍ NHẬP HÀNG DỰ TRÙ QUỐC GIA**

Năm:.....  
 Tên tài khoản..... Ký hiệu 61131  
 Loại hàng dự trữ quốc gia:..... Đơn vị tính:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 61131					Ghi Có tài khoản 61131	
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Thanh toán cá nhân	Sửa chữa TX kho	Mua CCDC	Mua bao bì		Bốc xếp
A	B	C	D	E	1=2+3+...+6	2	3	...	...	6	7
			- Số phát sinh trong kỳ ..... - Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm								

- Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....  
 - Ngày mở sổ:.....

Ngày ... tháng ... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GHI SỔ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....  
ĐƠN VỊ:.....

**Mẫu số: S84-DT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**SỐ THEO DÕI CHI PHÍ XUẤT HÀNG DỰ TRÙ QUỐC GIA**

Năm:.....  
Tên tài khoản..... Ký hiệu 61132.....  
Loại hàng dự trữ quốc gia:..... Đơn vị tính:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 61132					Ghi Có tài khoản 61132	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Thanh toán cá nhân	Sửa chữa TX kho	Mua CCDC	Bóc xếp		Khác
A	B	C	D	E	1=2+3+...	2	3	4	5	6	7
			- Số phát sinh trong kỳ ..... - Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm								

- Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....  
- Ngày mở sổ:.....

**NGƯỜI GHI SỔ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....  
 ĐƠN VỊ:.....

**Mẫu số: S85-DT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**SỐ THEO DÕI CHI PHÍ BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Năm:.....  
 Tên tài khoản..... Ký hiệu: 61133  
 Loại hàng dự trữ quốc gia:..... Đơn vị tính:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 61133						Ghi Có tài khoản 61133								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Bảo quản lần đầu - Chi tiết theo nội dung chi		Bảo quản thường xuyên - Chi tiết theo nội dung chi		Tổng số tiền		Ghi							
A	B	C	D	E	1=2+6+...	2=3+4+5	3	Thanh toán cá nhân	Mua CCDC	Khác	4		5	6=7+8+9	7	8	9	10	11
			- Số phát sinh trong kỳ ..... - Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm																

- Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....  
 - Ngày mở sổ:.....  
 Ngày... tháng... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI GHI SỔ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....  
 ĐƠN VỊ:.....

**Mẫu số: S86-DT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**SỐ THEO DÕI CHI PHÍ XUẤT HÀNG DỰ TRÚ QUỐC GIA CỨU TRỢ, HỖ TRỢ, VIỆN TRỢ**

Năm:.....

Tên tài khoản..... Ký hiệu: 61134

Loại hàng dự trữ quốc gia:..... Đơn vị tính:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		TK đối ứng	Diễn giải	Ghi Nợ Tài khoản 61134							Ghi Có tài khoản 61134			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tại cửa kho - Chi tiết theo nội dung chi				Ngoài cửa kho - chi tiết theo từng nội dung chi						
					Tổng số	Thanh toán cá nhân	Sửa chữa TX kho	Mua CCDC	Bóc xếp	Khác	Tổng số		Vận chuyển	....	
A	B	C	D	E	1=2+8	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
			- Số phát sinh trong kỳ ..... - Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm												

- Số này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....  
 - Ngày mở số:.....

Ngày... tháng... năm.....

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGƯỜI GHI SỐ**

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:.....

**Mẫu số: S87-DT**

ĐƠN VỊ:.....

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỀ BÁN, THU NỢ  
HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA BẰNG TIỀN**

Năm:.....

- Tên tài khoản:.....

- Ký hiệu:.....

- Loại hàng dự trữ quốc gia.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn vị tính	Số lượng	Số Tiền	
	Số	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Dư đầu kỳ - Số Phát sinh trong kỳ .....					
			- Cộng phát sinh trong kỳ - Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm - Dư cuối kỳ					

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**NGƯỜI GHI SỔ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)**Ngày... tháng... năm...*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

### III. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ KẾ TOÁN

#### SỔ CHI TIẾT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA THỪA

(Mẫu số S80-DT)

##### 1. Mục đích

Sổ này dùng để theo dõi chi tiết hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý và tình hình xử lý số hàng dự trữ thừa đó theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

##### 2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ

Sổ này được mở để theo dõi cho từng loại hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý. Mỗi loại hàng được theo dõi trên một hoặc một số trang sổ riêng.

Căn cứ ghi sổ là biên bản, chứng từ, hóa đơn liên quan và quyết định xử lý hàng dự trữ quốc gia thừa của cấp có thẩm quyền.

+ Cột A, cột B, cột C: Ghi ngày, tháng ghi sổ; số hiệu, ngày tháng của chứng từ.

+ Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.

+ Cột F: Giải thích thêm nội dung khác (nếu có).

+ Cột 1, cột 2: Phản ánh số lượng, giá trị hàng dự trữ quốc gia thừa đã được xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Cột 3, cột 4: Phản ánh số lượng, giá trị hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý phát sinh.

+ Cuối kỳ, cộng phát sinh trong kỳ, cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm, xác định số dư cuối kỳ (Dư Nợ ghi cột 1, cột 2; dư Có ghi cột 3, cột 4).

#### SỔ CHI TIẾT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA THIẾU

(Mẫu số S81-DT)

##### 1. Mục đích

Sổ này dùng để theo dõi hàng dự trữ quốc gia thiếu hụt, mất mát và tình hình xử lý hàng thiếu hụt, mất mát theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

Sổ này được mở để theo dõi cho từng loại hàng dự trữ quốc gia thiếu chờ xử lý. Mỗi loại hàng được theo dõi trên một hoặc một số trang sổ riêng.

Căn cứ biên bản, chứng từ, hóa đơn liên quan và quyết định xử lý hàng dự trữ quốc gia thiếu của cấp có thẩm quyền để phản ánh vào sổ.

- + Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- + Cột B, cột C: Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ dùng để ghi sổ.
- + Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- + Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.
- + Cột F: Giải thích thêm nội dung khác (nếu có).
- + Cột 1, cột 2: Phản ánh số lượng, giá trị hàng dự trữ quốc gia thiếu chờ xử lý phát sinh.
- + Cột 3, cột 4: Phản ánh số lượng giá trị hàng dự trữ quốc gia thiếu đã xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
- + Cuối kỳ, cộng phát sinh trong kỳ, cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm, xác định số dư cuối kỳ (Dư Nợ ghi cột 1, cột 2; dư Có ghi cột 3, cột 4).

## **SỔ CHI TIẾT THEO DÕI HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA (Mẫu số S82-DT)**

### **1. Mục đích**

Sổ này dùng để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho về số lượng và giá trị của từng loại hàng dự trữ quốc gia ở từng ngân, lô kho làm căn cứ đối chiếu với việc ghi chép của thủ kho.

### **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

- Mỗi loại hàng dự trữ quốc gia (TK157) được theo dõi cho từng kho trên một số trang sổ riêng và ghi rõ tên, quy cách, đơn vị tính của từng loại hàng dự trữ quốc gia.

- Căn cứ ghi sổ là các phiếu nhập kho và xuất kho đã được thực hiện
- + Cột A, B, C: Ghi ngày, tháng ghi sổ, số hiệu và ngày, tháng chứng từ.
- + Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- + Cột 1: Ghi tài khoản đối ứng.
- + Cột 2: Ghi đơn giá.
- + Cột 3, cột 4: Ghi số lượng, giá trị hàng dự trữ quốc gia nhập kho.
- + Cột 5, cột 6: Ghi số lượng, giá trị hàng hóa dự trữ quốc gia xuất kho.
- + Cột 7, cột 8: Ghi số lượng, giá trị hàng hóa dự trữ quốc gia tồn kho.

## **SỔ THEO DÕI CHI PHÍ NHẬP HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA** *(Mẫu số S83-DT)*

### **1. Mục đích**

Sổ này dùng để theo dõi chi phí nhập hàng dự trữ quốc gia hạch toán trên tài khoản 61131 theo từng loại vật tư, hàng hóa dự trữ quốc gia.

### **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

Căn cứ vào chứng từ để phản ánh vào sổ

- + Cột A, cột B, cột C: Ghi ngày, tháng ghi sổ; số và ngày, tháng của chứng từ.
- + Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- + Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.
- + Cột 1: Phản ánh tổng số chi phí thực tế phát sinh theo từng chứng từ, hóa đơn (Tổng số tiền ghi Nợ TK 61131).  
(Cột 1 = Cột 2 + cột 3+ cột....)
- + Từ Cột 2 đến cột 6: Phản ánh chi phí thực tế phát sinh về nhập hàng dự trữ quốc gia theo nội dung chi phí.
- + Cột 7: Ghi Có TK 61131.

## **SỔ THEO DÕI CHI PHÍ XUẤT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA** *(Mẫu số S84-DT)*

### **1. Mục đích**

Sổ này dùng để theo dõi chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia hạch toán trên tài khoản 61132 theo từng loại vật tư, hàng hóa dự trữ quốc gia.

## **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

Căn cứ vào chứng từ để phản ánh vào sổ

- + Cột A, cột B, cột C: Ghi ngày, tháng ghi sổ; số và ngày, tháng của chứng từ.
- + Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- + Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.
- + Cột 1: Phản ánh tổng số chi phí thực tế phát sinh theo từng chứng từ, hóa đơn (Tổng số tiền ghi Nợ TK 61132).  
(Cột 1 = Cột 2 + cột 3+ cột ....)
- + Từ Cột 2 đến cột 6: Phản ánh chi phí thực tế phát sinh về xuất hàng dự trữ quốc gia theo nội dung chi phí.
- + Cột 7: Ghi Có TK 61132.

## **SỔ THEO DÕI CHI PHÍ BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA (Mẫu số S85-DT)**

### **1. Mục đích**

Sổ này dùng để theo dõi chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia hạch toán trên tài khoản 61133. Sổ theo dõi chi tiết theo từng loại hàng dự trữ quốc gia và chi tiết theo hình thức bảo quản (bảo quản lần đầu, bảo quản lần đầu mới, bảo quản lần đầu bổ sung, bảo quản thường xuyên,...).

### **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

Căn cứ vào chứng từ để phản ánh vào sổ

- + Cột A, cột B, cột C: Ghi ngày, tháng ghi sổ; số và ngày, tháng của chứng từ
- + Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- + Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng
- + Cột 1: Phản ánh tổng số chi phí thực tế phát sinh theo từng chứng từ, hóa đơn (ghi Nợ TK 61133).

(Cột 1 = Cột 2 + cột 6 + ...)

Trong đó chi tiết: theo các hình thức bảo quản và theo nội dung chi (chi tiết theo nội dung chi: chi thanh toán cá nhân, mua CCDC, ...)

+ Cột 2: Phản ánh tổng số chi phí liên quan đến bảo quản lần đầu (mới hoặc bổ sung).

Cột 2 = cột 3 + cột 4 + cột 5

Trong đó:

+ Cột 3: Phản ánh chi phí thanh toán cá nhân.

+ Cột 4: Phản ánh chi phí mua CCDC.

+ Cột 5: Phản ánh chi phí liên quan khác.

+ Cột 6: Phản ánh tổng số chi phí bảo quản thường xuyên.

Cột 6 = cột 7 + cột 8 + cột 9

Trong đó:

+ Cột 7: Phản ánh chi phí thanh toán cá nhân.

+ Cột 8: Phản ánh chi phí mua CCDC.

+ Cột 9: Phản ánh chi phí liên quan khác.

+ Cột 11: Ghi Có TK 61133.

## **SỔ THEO DÕI CHI PHÍ XUẤT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA CỨU TRỢ, HỖ TRỢ, VIỆN TRỢ (Mẫu số S86-DT)**

### **1. Mục đích**

Sổ này dùng để theo dõi chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ hạch toán trên tài khoản 61134. Sổ được theo dõi chi tiết chi phí tại cửa kho, ngoài cửa kho và theo từng nội dung chi.

### **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

Căn cứ vào chứng từ để phản ánh vào sổ

+ Cột A, cột B, cột C: Ghi ngày, tháng ghi sổ; số và ngày, tháng của chứng từ.

+ Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh

+ Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng

+ Cột 1: Phản ánh tổng số chi phí thực tế phát sinh theo từng chứng từ, hóa đơn (tổng số ghi Nợ TK 61134).

(Cột 1 = Cột 2 + cột 8)

+ Cột 2: Phản ánh tổng chi phí thực tế tại cửa kho liên quan đến xuất hàng dự trữ quốc gia cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ chi tiết theo nội dung chi.

+ Cột 3,4,5,6,7: Phản ánh chi phí thực tế tại cửa kho liên quan đến xuất hàng dự trữ quốc gia cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ chi tiết từng nội dung chi, gồm: thanh toán cá nhân, sửa chữa thường xuyên kho, mua CCDC, bốc xếp, chi khác.

Cột 2 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7

+ Cột 8: Phản ánh tổng chi phí thực tế ngoài cửa kho phục vụ xuất hàng dự trữ quốc gia cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ.

+ Cột 9,...: Phản ánh chi phí thực tế ngoài cửa kho (gồm: chi phí vận chuyên, chi phí giao nhận, bao bì, hao hụt,...) phục vụ xuất hàng dự trữ quốc gia cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ chi tiết từng nội dung chi.

Cột 8 = cột 9 + ...

+ Cột 11: Ghi Có TK 61134.

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỀ BÁN,  
THU NỢ HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA BẰNG TIỀN  
(Mẫu số S87-DT)**

### **1. Mục đích**

Sổ này được dùng để ghi chép theo dõi quá trình thanh toán về bán, thu nợ hàng dự trữ quốc gia (bao gồm hàng dự trữ quốc gia thiếu hụt phải bồi thường và hàng dự trữ quốc gia cho vay) bằng tiền và tình hình thanh lý hàng dự trữ quốc gia.

### **2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ**

- Mỗi loại hàng được theo dõi trên một trang riêng.

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng và chứng từ gốc để phản ánh vào sổ.

+ Cột A, cột B, cột C: Ghi ngày, tháng ghi sổ; số và ngày, tháng chứng từ.

+ Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.

+ Cột 1: Ghi đơn vị tính (kg, cái,...).

+ Cột 2: Ghi số lượng hàng dự trữ quốc gia đã bán, hàng dự trữ quốc gia thu nợ bằng tiền (hàng dự trữ quốc gia thiếu hụt phải bồi thường và hàng dự trữ quốc gia cho vay).

+ Cột 3: Ghi số tiền theo giá hạch toán của số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất bán, thu nợ mà đối tượng nợ đã trả bằng tiền (thu cho vay, thu bồi thường) và chi phí thanh lý hàng dự trữ quốc gia thực tế phát sinh.

+ Cột 4: Ghi số tiền theo giá bán, theo giá thu nợ đối với số lượng hàng dự trữ quốc gia đã xuất bán, số lượng hàng dự trữ cho vay, thu bồi thường mà các đối tượng đã trả bằng tiền theo quyết định của cấp có thẩm quyền và số tiền thu thanh lý đối với số lượng hàng dự trữ quốc gia thực tế xuất thanh lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.



**Phụ lục số 04****HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO QUYẾT TOÁN  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NỘI NGÀNH  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC HỆ THỐNG DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018  
của Bộ Tài chính)*

**I. DANH MỤC BÁO CÁO****1. Báo cáo tài chính**

Các đơn vị kế toán cơ sở thuộc hệ thống Dự trữ nhà nước phải lập báo cáo tài chính cho số liệu hoạt động tài chính nội ngành của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Mẫu biểu và phương pháp lập
1	2	3	4	5
1	B01/BCTC	Báo cáo tình hình tài chính	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
2	B02/BCTC	Báo cáo kết quả hoạt động	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
3	B03a/BCTC	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp)	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
4	B03b/BCTC	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
5	B04/BCTC	Thuyết minh báo cáo tài chính	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC

**Nơi nhận báo cáo**

- Cục dự trữ nhà nước khu vực phải nộp báo cáo về Tổng cục dự trữ nhà nước.  
Các chi cục DTNN (hoặc tương đương) phải nộp báo cáo về Cục DTNN khu vực.

- Các đơn vị sự nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải nộp thuế theo quy định về pháp luật thuế thì phải nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Thuế.

## 2. Báo cáo quyết toán

### 2.1. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động

Các đơn vị kế toán cơ sở thuộc hệ thống Dự trữ nhà nước phải lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Ngoài ra phải lập báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ dự trữ quốc gia theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Mẫu biểu và phương pháp lập
1	2	3	4	
1	B01/BCQT	Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
2	F01-01/BCQT	Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
3	F01-02/BCQT	Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
4	B02/BCQT	Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
5	B03/BCQT	Thuyết minh báo cáo quyết toán	Năm	Quy định tại TT107/2017/TT-BTC
6	B03a/BCQT-DTr	Thuyết minh tình hình thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ dự trữ quốc gia	Năm	Quy định tại Thông tư này

Nơi nhận báo cáo

- Cục dự trữ nhà nước khu vực phải nộp báo cáo về Tổng cục dự trữ nhà nước. Các chi cục DTNN (hoặc tương đương) phải nộp báo cáo về Cục DTNN khu vực.
- Tổng cục dự trữ nhà nước tổng hợp số liệu báo cáo quyết toán nộp cho Bộ Tài chính theo quy định.

### 2.2. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XD CB

Trường hợp đơn vị có phát sinh kinh phí NSNN cấp cho hoạt động XD CB thì thực hiện theo chế độ báo cáo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm và các văn bản hướng dẫn bổ sung, sửa đổi (nếu có).

**II. MẪU BÁO CÁO**

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

**Mẫu số B03a/BCQT-DTr****ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**.....*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC*

Mã ĐVQHNS:.....

*ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)***THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN  
CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ DỰ TRỮ QUỐC GIA***Năm.....***I. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ dự trữ quốc gia**

1. Thực hiện kế hoạch nhập hàng dự trữ quốc gia: (Chi tiết số lượng từng loại hàng hóa dự trữ quốc gia)

- Kế hoạch giao:

- Thực tế thực hiện: = .....% so với kế hoạch

2. Thực hiện kế hoạch xuất bán: (Chi tiết số lượng từng loại hàng hóa)

- Kế hoạch giao:

- Thực tế thực hiện: = .....% so với kế hoạch

3. Thực hiện kế hoạch xuất cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ: (Chi tiết số lượng từng loại hàng dự trữ quốc gia)

- Nhiệm vụ được giao:

- Kết quả thực hiện: = .....% so với kế hoạch

4. Tình hình sử dụng phí nhập, xuất, phí cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ:

4.1. Chi phí nhập:

+ Định mức được hưởng:

+ Dự toán đã giao:

+ Chi phí thực hiện:

+ Chênh lệch:

+ Chi phí còn thừa, thiếu.

4.2. Chi phí xuất:

+ Định mức được hưởng:

+ Dự toán đã giao:

+ Chi phí thực hiện:

+ Chênh lệch:

+ Chi phí còn thừa, thiếu.

4.3. Chi phí bảo quản

- Chi phí có định mức:

- + Định mức được hưởng
- + Dự toán đã giao
- + Chi phí thực hiện
- + Chênh lệch
- Chi phí thực hiện không có định mức

#### 4.4. Chi phí xuất hàng cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ:

- + Định mức được hưởng:
- + Dự toán đã giao:
- + Chi phí thực hiện:
- + Chênh lệch:
- + Chi phí còn thừa, thiếu.

5. Tiền, hàng tiếp nhận điều động của cấp trên; của các tổ chức, cơ quan khác hỗ trợ được phép ghi tăng nguồn kinh phí (không qua giao dự toán):

#### 5.1. Tiền, hàng tiếp nhận điều động:

- Chi tiết theo từng loại, khoản.
- Đơn vị điều động, số lượng và giá trị.
- Nội dung, mục đích sử dụng.

#### 5.2. Tiền, hàng của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ:

- Chi tiết theo từng loại, khoản.
- Đơn vị điều động, số lượng và giá trị.
- Nội dung, mục đích sử dụng

### II. Thuyết minh khác:

.....

.....

.....

### III. Nhận xét và kiến nghị

.....

.....

.....

.....

.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, họ tên)

*Lập, ngày.... tháng.... năm...*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 05**  
**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018*  
*của Bộ Tài chính)*

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN:...

**Mẫu B01/BTH-DTQG**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**  
**Năm.....**

*Đơn vị tính:.....*

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số liệu hợp cộng	Số liệu giao dịch nội bộ phải loại trừ	Số liệu sau loại trừ
A	B	1	2	3=1-2
<b>1. Chỉ tiêu thuộc báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp</b>				
....				
<b>2. Chỉ tiêu thuộc báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp</b>				
...				
<b>3. Chỉ tiêu thuộc thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp</b>				
...				

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký, họ tên)*

*Lập, ngày.... tháng.... năm...*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 06**  
**HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO NGHIỆP VỤ**  
**VỀ HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

*(Áp dụng cho các đơn vị có quản lý vốn dự trữ quốc gia)*

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính)*

## I. DANH MỤC BÁO CÁO

### 1. Báo cáo tài chính hoạt động dự trữ quốc gia

#### 1.1. Đối với đơn vị kế toán cơ sở

Các đơn vị kế toán cơ sở được nhà nước giao vốn dự trữ quốc gia phải lập báo cáo tài chính riêng cho hoạt động dự trữ quốc gia tại đơn vị theo quy định của Thông tư này, cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B01/BCTC-DTr	Báo cáo tình hình tài chính hoạt động dự trữ quốc gia	Năm
2	B03/BCTC-DTr	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động dự trữ quốc gia	Năm
3	B04/BCTC-DTr	Thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động dự trữ quốc gia	Năm

Nơi nhận báo cáo

- Đơn vị kế toán cơ sở thuộc hệ thống DTNN nộp báo cáo về đơn vị cấp trên trực tiếp.

- Các đơn vị kế toán cơ sở thuộc các Bộ, ngành được giao quản lý vốn dự trữ quốc gia nộp báo cáo về đơn vị dự toán cấp 1.

#### 1.2. Đơn vị kế toán cấp trên

Đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc được nhà nước giao vốn dự trữ quốc gia phải lập báo cáo tài chính tổng hợp cho hoạt động dự trữ quốc gia theo quy định của Thông tư này, cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B01/BCTC-DTr-TH	Báo cáo tình hình tài chính hoạt động dự trữ quốc gia tổng hợp	Năm
2	B03/BCTC-DTr-TH	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động dự trữ quốc gia tổng hợp	Năm
3	B04/BCTC-DTr-TH	Thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động dự trữ quốc gia tổng hợp	Năm

### Nơi nhận báo cáo

- Cục dự trữ nhà nước khu vực phải nộp báo cáo tài chính tổng hợp về Tổng cục dự trữ nhà nước.

- Các đơn vị dự toán cấp 1 (các Bộ, ngành) nộp báo cáo tài chính tổng hợp phần vốn DTQG giao cho Bộ, ngành quản lý về Tổng cục dự trữ nhà nước.

- Tổng cục dự trữ nhà nước lập báo cáo tài chính tổng hợp số liệu vốn DTQG toàn quốc gửi Bộ Tài chính (KBNN và các Vụ chuyên ngành).

### 2. Báo cáo nghiệp vụ về hoạt động dự trữ quốc gia

Đơn vị kế toán được nhà nước giao vốn dự trữ quốc gia còn phải lập báo cáo nghiệp vụ về hoạt động dự trữ quốc gia theo quy định của Thông tư này, cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B15/TC-DT	Báo cáo tăng, giảm nguồn vốn dự trữ quốc gia	Quý, năm
2	B16/TC-DT	Báo cáo chi tiết nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia	Quý, năm
3	B17/TC-DT	Báo cáo tình hình quỹ tiết kiệm phí	Năm
4	B18/TC-DT	Báo cáo chi tiết nợ phải thu về dự trữ quốc gia	Năm
5	B19/TC-DT	Báo cáo hàng dự trữ quốc gia thiếu chờ xử lý	Năm
6	B20/TC-DT	Báo cáo hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý	Năm
7	B21/TC-DT	Báo cáo các khoản phải nộp cấp trên	Quý, năm
8	B22/TC-DT	Báo cáo tình hình xuất bán và thu nợ hàng dự trữ quốc gia	Quý, năm

9	B23/TC-DT	Báo cáo mua hàng dự trữ quốc gia	Quý, năm
10	B24/TC-DT	Báo cáo tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí chi dự trữ quốc gia từ nguồn Ngân sách Nhà nước	Năm
11	B25/TC-DT	Báo cáo tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí chi nghiệp vụ dự trữ quốc gia từ nguồn Ngân sách Nhà nước	Năm
12	B26/QT-DT	Báo cáo tình hình thực hiện kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia	Năm
13	B27/QT-DT	Báo cáo thực hiện phí nhập, xuất, phí xuất viện trợ, cứu trợ, hỗ trợ hàng DTQG	Năm

#### Nơi nhận báo cáo

- Cục dự trữ nhà nước khu vực phải nộp báo cáo nghiệp vụ về hoạt động dự trữ quốc gia về Tổng cục dự trữ nhà nước.

- Các đơn vị dự toán cấp 1 (các Bộ, ngành) nộp báo cáo nghiệp vụ về hoạt động dự trữ quốc gia (phần vốn DTQG giao cho Bộ, ngành quản lý) về Tổng cục dự trữ nhà nước.

- Tổng cục dự trữ nhà nước lập báo cáo nghiệp vụ về hoạt động dự trữ quốc gia (số liệu vốn DTQG toàn quốc) gửi Bộ Tài chính (Vụ chuyên ngành).



**II. MẪU BÁO CÁO CỦA HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA****1. Mẫu báo cáo tài chính hoạt động DTQG áp dụng cho đơn vị kế toán cơ sở**

BỘ (NGÀNH):  
 ĐƠN VỊ BÁO CÁO:

**Mẫu B01/BCTC-DTr**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

*Tại ngày..... tháng..... năm.....*

*Đơn vị tính:...*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I</b>	<b>Tiền</b>	<b>01</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>10</b>			
1	Phải thu về vốn DTQG	11			
2	Hàng DTQG đang đi trên đường	12			
3	Phải thu khác hoạt động DTQG	13			
<b>III</b>	<b>Hàng DTQG tồn kho</b>	<b>20</b>			
1	Hàng hóa DTQG trong kho	21			
2	Hàng hóa DTQG tạm xuất	22			
<b>IV</b>	<b>Tài sản khác</b>	<b>30</b>			
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(50=01+10+20+30)</b>	<b>50</b>			
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>60</b>			
1	Các khoản phải nộp nhà nước về vốn DTQG	61			

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
2	Phải trả vốn DTQG	62			
3	Phải trả khác hoạt động DTQG	63			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn DTQG</b>	<b>70</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)</b>		<b>80</b>			

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, họ tên)

*Lập, ngày... tháng... năm.....*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BỘ (NGÀNH):  
 ĐƠN VỊ BÁO CÁO:

**Mẫu B03/BCTC-DTr**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
<b>1</b>	<b>Các khoản thu</b>	<b>01</b>			
	- Tiền Ngân sách nhà nước cấp mua hàng DTQG	02			
	- Tiền thu bán hàng DTQG	03			
	- Tiền thu khác của hoạt động DTQG	04			
<b>2</b>	<b>Các khoản chi</b>	<b>10</b>			
	- Tiền chi mua hàng DTQG	11			
	- Tiền chi khác của hoạt động DTQG	12			
<b>3</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần của hoạt động DTQG trong năm</b>	<b>15</b>			
<b>4</b>	<b>Số dư tiền vốn DTQG đầu kỳ</b>	<b>19</b>			
<b>5</b>	<b>Số dư tiền vốn DTQG cuối kỳ</b>	<b>20</b>			

NGƯỜI LẬP BIỂU  
*(Ký, họ tên)*

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*(Ký, họ tên)*

*Lập, ngày... tháng... năm.....*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BỘ (NGÀNH):  
**ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**

**Mẫu B04/BCTC-DTr**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/20xx**

**I. Thông tin khái quát**

Đơn vị.....  
QĐ thành lập số..... ngày...../...../.....  
Tên cơ quan cấp trên trực tiếp:.....

**II. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán.....  
ban hành theo Thông tư số.../2018/TT-BTC ngày.../... /2018 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế  
toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo  
cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính của hoạt động dự trữ quốc gia mà  
đơn vị kế toán cơ sở được giao quản lý chưa bao gồm số liệu của các đơn vị kế  
toán cấp dưới trực thuộc.

Báo cáo tài chính của đơn vị đã được..... phê duyệt để phát hành vào ngày.....

**III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình  
hình tài chính hoạt động dự trữ quốc gia (B01/BCTC-DTr)**

**1. Tiền vốn DTQG**

*Đơn vị tính:.....*

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi kho bạc		
- Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền đang chuyển		

**2. Phải thu về vốn DTQG**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng DTQG thiếu chờ xử lý		
- Phải thu về bán hàng DTQG		
- Hàng DTQG thiếu hụt phải bồi thường		
- Phải thu khác về hàng DTQG		
Tổng các khoản phải thu về vốn DTQG:		

**3. Phải thu khác về vốn DTQG**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuyết minh chi tiết (nếu có)		
.....		
Tổng các khoản phải thu khác về vốn DTQG:		

**4. Hàng DTQG trong kho**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng DTQG trực tiếp bảo quản		
- Hàng DTQG thuê bảo quản		
Tổng hàng DTQG trong kho:		

**5. Hàng DTQG tạm xuất**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng DTQG xuất gia công		
- Hàng DTQG luân phiên đổi hàng		
- Hàng DTQG tạm xuất sử dụng		
- Hàng DTQG tạm xuất khác		
Tổng hàng DTQG tạm xuất:		

**6. Tài sản khác của hoạt động DTQG**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị thuyết minh chi tiết		
.....		
Tổng giá trị tài sản khác		

**7. Phải trả vốn dự trữ quốc gia**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý		
- Phải trả về mua hàng DTQG		
- Ứng vốn dự trữ quốc gia		
+ Ứng vốn dự trữ quốc gia từ NSNN		
+ Ứng nội bộ vốn dự trữ quốc gia		
- Phải trả vốn DTQG khác		
Tổng các khoản phải trả vốn DTQG		

**8. Nợ phải trả khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị thuyết minh chi tiết		
.....		
Tổng giá trị tài sản khác		

**9. Các thông tin khác đơn vị thuyết minh thêm về hoạt động vốn DTQG:**

.....

.....

**IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG (mẫu B03/BCTC-DTr)****1. Các giao dịch không bằng tiền trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

.....

.....

**2. Thuyết minh khác về lưu chuyển tiền của hoạt động dự trữ quốc gia**

.....

.....

**V. Thông tin thuyết minh khác của hoạt động DTQG**

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm của hoạt động DTQG.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo năm trước

Đơn vị phải thuyết minh rõ số liệu điều chỉnh phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng đến số liệu đã báo cáo (nếu có).

3. Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước

Đơn vị thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức ghi chép,..... ảnh hưởng khác biệt đến số liệu báo cáo tài chính so với kỳ trước.

4. Thông tin khác:

.....

.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)

Lập, ngày... tháng... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## 2. Mẫu báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên

BỘ, NGÀNH:.....

**Mẫu B01/BCTC-DTr-TH**

ĐƠN VỊ TỔNG HỢP SỐ LIỆU:....

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC*

Mã ĐVQHNS:.....

*ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA TỔNG HỢP

Tại ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tính:...

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I</b>	<b>Tiền</b>	<b>101</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>110</b>			
1	Phải thu về vốn DTQG	111			
2	Hàng DTQG đang đi trên đường	112			
3	Phải thu khác hoạt động DTQG	113			
<b>III</b>	<b>Hàng DTQG tồn kho</b>	<b>120</b>			
1	Hàng hóa DTQG trong kho	121			
2	Hàng hóa DTQG tạm xuất	122			
<b>IV</b>	<b>Tài sản khác</b>	<b>130</b>			
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (150=101+110+120+130)</b>	<b>150</b>			
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>160</b>			
1	Các khoản phải nộp nhà nước về vốn DTQG	161			

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
2	Phải trả vốn DTQG	162			
3	Phải trả khác hoạt động DTQG	163			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn DTQG</b>	<b>170</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (180=160+170)</b>		<b>180</b>			

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)

*Lập, ngày... tháng... năm.....*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



BỘ, NGÀNH:.....

**Mẫu B03/BCTC-DTr-TH**

ĐƠN VỊ TỔNG HỢP SỐ LIỆU:...

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC*

Mã ĐVQHNS.....

*ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA TỔNG HỢP**  
Năm.....

*Đơn vị tính:.....*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
<b>1</b>	<b>Các khoản thu</b>	<b>101</b>			
	- Tiền Ngân sách nhà nước cấp mua hàng DTQG	102			
	- Tiền thu bán hàng DTQG	103			
	- Tiền thu khác của hoạt động DTQG	104			
<b>2</b>	<b>Các khoản chi</b>	<b>110</b>			
	- Tiền chi mua hàng DTQG	111			
	- Tiền chi khác của hoạt động DTQG	112			
<b>3</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần của hoạt động DTQG trong năm</b>	<b>115</b>			
<b>4</b>	<b>Số dư tiền vốn DTQG đầu kỳ</b>	<b>119</b>			
<b>5</b>	<b>Số dư tiền vốn DTQG cuối kỳ</b>	<b>120</b>			

NGƯỜI LẬP BIỂU

*(Ký, họ tên)*

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Ký, họ tên)**Lập, ngày... tháng... năm.....*

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BỘ, NGÀNH:.....

**Mẫu B04/BCTC-DTr-TH****ĐƠN VỊ TỔNG HỢP SỐ LIỆU:..***(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC*

Mã ĐVQHNS.....

*ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA TỔNG HỢP  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/20xx**

**I. Đơn vị tổng hợp báo cáo:**

.....  
.....

**II. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán..... ban hành theo Thông tư số..../2018/TT-BTC ngày.../... /2018 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính tổng hợp số liệu hoạt động dự trữ quốc gia, bao gồm số liệu của bản thân đơn vị kế toán và số liệu của các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc được giao quản lý vốn dự trữ quốc gia.

Báo cáo tài chính của đơn vị đã được..... phê duyệt để phát hành vào ngày.....

**III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính hoạt động dự trữ quốc gia tổng hợp (B01/BCTC-DTr-TH)**

**1. Tiền vốn DTQG***Đơn vị tính:.....*

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi kho bạc		
- Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền đang chuyển		

**2. Phải thu về vốn DTQG**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng DTQG thiếu chờ xử lý		
- Phải thu về bán hàng DTQG		
- Hàng DTQG thiếu hụt phải bồi thường		
- Phải thu khác về hàng DTQG		
Tổng các khoản phải thu về vốn DTQG:		

**3. Phải thu khác về vốn DTQG**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuyết minh chi tiết (nếu có)		
.....		
Tổng các khoản phải thu khác về vốn DTQG:		

**4. Hàng DTQG trong kho**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng DTQG trực tiếp bảo quản		
- Hàng DTQG thuê bảo quản		
Tổng hàng DTQG trong kho:		

**5. Hàng DTQG tạm xuất**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng DTQG xuất gia công		
- Hàng DTQG luân phiên đổi hàng		
- Hàng DTQG tạm xuất sử dụng		
- Hàng DTQG tạm xuất khác		
Tổng hàng DTQG tạm xuất:		

**6. Tài sản khác của hoạt động DTQG**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị thuyết minh chi tiết		
.....		
Tổng giá trị tài sản khác		

**7. Phải trả vốn dự trữ quốc gia**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý		
- Phải trả về mua hàng DTQG		
- Ứng vốn dự trữ quốc gia		
+ Ứng vốn dự trữ quốc gia từ NSNN		
+ Ứng nội bộ vốn dự trữ quốc gia		
- Phải trả vốn DTQG khác		
Tổng các khoản phải trả vốn DTQG		

**8. Nợ phải trả khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị thuyết minh chi tiết		
.....		
Tổng giá trị tài sản khác		

**9. Các thông tin khác đơn vị thuyết minh thêm về hoạt động vốn DTQG:**

.....

.....

.....

**IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp (mẫu B03/BCTC-DTr-TH)****1. Các giao dịch không bằng tiền trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

.....

.....

**2. Thuyết minh khác về lưu chuyển tiền của hoạt động dự trữ quốc gia**

.....

.....

**V. Thông tin thuyết minh khác của hoạt động DTQG**

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm của hoạt động DTQG.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo năm trước

Đơn vị phải thuyết minh rõ số liệu điều chỉnh phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng đến số liệu đã báo cáo (nếu có).

3. Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước

Đơn vị thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức ghi chép,..... ảnh hưởng khác biệt đến số liệu báo cáo tài chính so với kỳ trước.

4. Thông tin khác:

.....

.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)**Lập, ngày... tháng... năm.....***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**3. Mẫu báo cáo nghiệp vụ hoạt động dự trữ quốc gia**

BỘ (NGÀNH):.....

**Mẫu số B15/TC-DT**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**.....

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018//TT-BTC*

Mã ĐVQHNS:.....

*ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO TĂNG, GIẢM NGUỒN VỐN DỰ TRỮ QUỐC GIA**

*Quý..... năm.....*

*Đơn vị tính:.....*

Số TT	Diễn giải	Mã số	Số tiền		Ghi chú
			Trong quý	Lũy kế từ đầu năm	
A	B	C	1	2	D
<b>I</b>	<b>Số dư đầu quý</b>	<b>01</b>			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn dự trữ quốc gia tăng</b>	<b>02</b>			
1	Ngân sách cấp	03			
2	Cấp trên cấp	04			
3	Cấp dưới nộp lên	05			
4	Tăng do điều chuyển	06			
5	Tăng giá hàng dự trữ quốc gia	07			
6	Tăng do nhập dôi kho	08			
7	Tăng do chênh lệch giá bán	09			
8	Tăng khác	10			
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn dự trữ quốc gia giảm</b>	<b>11</b>			
1	Nộp trả Ngân sách	12			
2	Nộp trả cấp trên	13			
3	Cấp cho các đơn vị cấp dưới	14			
4	Giảm do điều chuyển	15			
5	Giảm giá hàng dự trữ quốc gia	16			
6	Giảm do thiếu hụt trong định mức	17			
7	Giảm do chênh lệch giá bán	18			
8	Giảm do xuất hàng không thu tiền	19			
9	Giảm khác	20			
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối quý</b>	<b>21</b>			

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Ngày..... tháng..... năm.....*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



BỘ, NGÀNH:.....  
**ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B17/TC-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUỸ TIẾT KIỆM PHÍ

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	C
<b>I</b>	<b>Số đầu năm</b>		
<b>II</b>	<b>Số tăng trong năm</b>		
1	Do bổ sung từ tiết kiệm phí của đơn vị theo quy định		
2	Do nhận từ cấp trên		
3	Do nhận từ cấp dưới		
<b>III</b>	<b>Số giảm trong năm</b>		
1	Nộp cấp trên		
2	Điều hòa xuống cấp dưới		
3	Sử dụng tại đơn vị		
	- Trích quỹ khen thưởng		
	- Trích quỹ phúc lợi		
	- Chi bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức		
	- Mua sắm tài sản		
	- Chi sửa chữa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất		
<b>IV</b>	<b>Số cuối năm (I+II-III)</b>		

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ (NGÀNH):.....

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B18/TC-DT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO CHI TIẾT NỢ PHẢI THU VỀ DỰ TRỮ QUỐC GIA***Năm...*

STT	Đối tượng phải thu	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	D
I	Hàng dự trữ quốc gia cho vay ...					
II	Hàng dự trữ quốc gia hao kho phải bồi thường ...					
III	Thu khác ..					
	<b>Cộng</b>		<b>x</b>	<b>x</b>		<b>x</b>

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Ngày..... tháng..... năm.....*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



BỘ (NGÀNH):.....  
 ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B19/TC-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

Năm...

Số TT	Tên hàng DTQG	Mã số	Đơn vị tính	Số dư đầu năm		Số thiếu trong năm		Số thiếu đã xử lý trong năm								Số dư cuối năm	
				SLượng	T Tiền (đ)	SLượng	T Tiền (đ)	Tổng số		Trong định mức		Vượt định mức		Xử lý khác		SLượng	T Tiền (đ)
								SLượng	T Tiền (đ)	SLượng	T Tiền (đ)	SLượng	T Tiền (đ)	SLượng	T Tiền (đ)		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thóc																
2	Gạo																
	.....																
	(Chi tiết từng loại hàng)																
	Cộng		X	X		X		X		X		X		X		X	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ (NGÀNH):.....  
**ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B20/TC-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA THỪA CHỜ XỬ LÝ

Năm...

Số TT	Tên hàng DTQG	Mã số	Đơn vị tính	Số dư đầu năm		Số thừa trong năm		Số thừa đã xử lý		Số dư cuối năm		Ghi chú
				SLượng	TTiền (đ)	SLượng	TTiền (đ)	SLượng	TTiền (đ)	SLượng	TTiền (đ)	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E
1	Thóc											
2	Gạo											
	.....											
	(Chi tiết từng loại hàng)											
	Cộng:		x	x		x		x		x		x

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ (NGÀNH):.....

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B21/TC-DT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018//TT-BTC**ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CẤP TRÊN***Quý..... Năm...*

Đơn vị tính:.....

STT	Diễn giải	Mã số	Tổng cộng	Tiền mua hàng dự trữ quốc gia thừa	Tiền bán hàng DTQG	Thu nợ dự trữ quốc gia	Quỹ tiết kiệm phí	Khác
A	B	C	1	2	3	4	5	6
I	Năm trước chuyển sang	01						
II	Kỳ trước chuyển sang	02						
III	Số phải nộp	03						
	- Trong kỳ	04						
	- Lũy kế	05						
IV	Số đã nộp	06						
	- Trong kỳ	07						
	Lũy kế	08						
V	Số còn phải nộp	09						

**NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)**Ngày..... tháng..... năm.....***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BỘ, NGÀNH:.....  
 ĐƠN VỊ:.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B22/TC-DT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018//TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT BÁN VÀ THU NỢ HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Quý..... năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Tên hàng dự trữ quốc gia	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá		Thành tiền		Chênh lệch giữa giá bán, thu nợ thực tế với giá hạch toán	Ghi chú
				Giá hạch toán	Giá bán, thu nợ thực tế	Giá hạch toán	Giá bán, thu nợ thực tế		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
<b>1</b>	<b>Xuất bán hàng dự trữ quốc gia</b>								
1.1	- Phát sinh trong kỳ								
	(Chi tiết từng mặt hàng dự trữ quốc gia)								
1.2	- Lũy kế từ đầu năm								
	(Chi tiết từng mặt hàng dự trữ quốc gia)								
<b>2</b>	<b>Thu nợ bằng tiền</b>								
<b>2.1</b>	<b>Phát sinh trong kỳ</b>								
2.1.1	Thu nợ hàng DTQG cho vay								
	(Chi tiết từng mặt hàng DTQG)								
2.1.2	Thu bồi thường hao kho								
	(Chi tiết từng mặt hàng DTQG)								
<b>2.2</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm</b>								
2.2.1	Thu nợ hàng DTQG cho vay								
2.2.2	Thu bồi thường hao kho								
	<b>Tổng cộng phát sinh (1.1 + 2.1)</b>								
	<b>Tổng cộng lũy kế (1.2 + 2.2)</b>								

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ, NGÀNH:.....  
 ĐƠN VỊ:.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B23/TC-DT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO MUA HÀNG DỰ TRÙ QUỐC GIA**  
*Quý..... năm...*

Đơn vị tính:.....

Số TT	Tên hàng dự trữ quốc gia	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá mua	Thành tiền
A	B	C	D	1	2
	- Phát sinh trong kỳ (Chi tiết từng loại hàng DTQG) ...				
	- Phát sinh lũy kế (Chi tiết từng loại hàng DTQG) ...				
	Tổng cộng phát sinh				
	Tổng cộng lũy kế				

*Ngày.... tháng.... năm....*

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BỘ, NGÀNH:.....

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B24/TC-DT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI DỰ TRỮ  
QUỐC GIA TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC***Năm....***PHẦN I - SỐ LIỆU TỔNG HỢP**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
A	B	C	(1)	(2)
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	01		
	- Kinh phí đã nhận	02		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	03		
2	Dự toán chi dự trữ quốc gia được giao trong năm	04		
	- Dự toán giao đầu năm	05		
	- Dự toán bổ sung trong năm	06		
3	Tổng số được sử dụng trong năm	07 = 01+04		
4	Kinh phí thực nhận trong năm	08		
5	Kinh phí quyết toán trong năm	09		
6	Kinh phí giảm trong năm	10		
	- Dự toán bị hủy	11		
	- Kinh phí nộp NSNN	12		
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	13 = 14 + 15		
	- Kinh phí đã nhận	14 = 02 + 08 - 09-12		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	15 = 03 + 04 - (08+11)		

**PHẦN II - THUYẾT MINH SỐ LIỆU****PHẦN III - NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Lập, Ngày..... tháng..... năm....*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BỘ, NGÀNH:.....

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B25/TC-DT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI  
NGHIỆP VỤ DỰ TRỮ QUỐC GIA TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
Năm....

**PHẦN I - SỐ LIỆU TỔNG HỢP**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	01		
	- Kinh phí đã nhận	02		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	03		
2	Dự toán được giao trong năm	04		
	- Dự toán giao đầu năm	05		
	- Dự toán bổ sung trong năm	06		
3	Tổng số được sử dụng trong năm	07 = 01+04		
4	Kinh phí thực nhận trong năm	08		
5	Kinh phí quyết toán trong năm	09		
6	Kinh phí giảm trong năm	10		
	- Đã nộp NSNN	11		
	- Còn phải nộp NSNN	12		
	- Dự toán bị hủy	13		
7	Kinh phí chuyển năm sau	14 = 15 + 16		
	- Kinh phí đã nhận	15 = 02 + 08 - 09 - 11 - 12		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	16 = 03 + 04 - (08+13)		

**PHẦN II - THUYẾT MINH SỐ LIỆU****PHẦN III - NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ****NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)**Lập, Ngày..... tháng..... năm.....***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BỘ, NGÀNH:.....  
 ĐƠN VỊ:.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B26/QT-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**  
 Năm....

Đơn vị tính:.....

STT	Tên hàng dự trữ quốc gia Hình thức bảo quản	Đơn vị tính	Số lượng hàng thực tế bảo quản	Kinh phí được hưởng theo định mức (hoặc mức phí được duyệt)		Chi phí thực hiện			Chênh lệch (+, -)	Kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau	
				Định mức	Thành tiền	Tổng cộng	Năm trước	Năm nay		Kinh phí tiết kiệm	Kinh phí thực chi
A	B	C	1	2	3	4=5+6	5	6	7=3-4	8	9
<b>I</b>	<b>Bảo quản lần đầu</b> (Chi tiết theo từng danh mục, mặt hàng bảo quản)										
<b>II</b>	<b>Bảo quản thường xuyên, định kỳ</b> (Chi tiết theo từng danh mục, mặt hàng bảo quản)										
	<b>Tổng cộng</b>										

Ghi chú: - Chi phí thực hiện năm trước là số kinh phí đã quyết toán năm trước chưa sử dụng chuyển năm nay sử dụng (không bao gồm chi phí đã quyết toán năm nay chưa sử dụng chuyển năm sau); mức phí được duyệt đối với mặt hàng bảo quản chưa có định mức.

- Cột 8: Kinh phí chưa quyết toán do dự toán giao còn thiếu.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KT&BQ**  
**(HOẶC PHỤ TRÁCH)**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BỘ, NGÀNH:.....  
 ĐƠN VỊ:.....  
 Mã ĐVQHNS:.....

**Mẫu số B27/QT-DT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2018/TT-BTC  
 ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO THỰC HIỆN PHÍ NHẬP, XUẤT, PHÍ XUẤT VIỆN TRỢ, CỨU TRỢ, HỖ TRỢ  
 HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Năm....

Đơn vị tính:.....

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí được hưởng theo định mức (hoặc mức phí được duyệt)		Chi phí thực hiện			Chênh lệch	Kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau	
				Định mức	Kinh phí	Tổng cộng	Năm trước	Năm nay		Kinh phí tiết kiệm	Kinh phí thực chi
A	B	C	1	2	3=1x2	4	5	6	7=3-4	8	9
1	Hàng dự trữ quốc gia nhập (Chi tiết từng loại hàng)										
2	Hàng dự trữ quốc gia xuất (Chi tiết từng loại hàng)										
3	Hàng dự trữ quốc gia xuất cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ, (Chi tiết từng loại hàng)										
	- Chi phí tại cửa kho - Chi phí ngoài cửa kho										
	<b>Tổng cộng</b>		x	x							

Ghi chú: - Mức phí được duyệt đối mặt hàng chưa có định mức; chi phí ngoài cửa kho (như: phí vận chuyển,...)

- Cột 8: Kinh phí chưa quyết toán do dự toán giao còn thiếu.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.... tháng.... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### **III. HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG DTQG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG DTQG TỔNG HỢP**

#### **BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA (Mẫu số B01/BCTC-DTr)**

##### **1. Mục đích**

Báo cáo tình hình tài chính của hoạt động dự trữ quốc gia là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản của hoạt động DTQG ở đơn vị tại thời điểm 31/12 hàng năm.

Số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính có thể sử dụng để nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính hoạt động DTQG tại đơn vị.

##### **2. Cơ sở để lập Báo cáo tình hình tài chính**

- Nguồn số liệu để lập Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG là số liệu trên sổ kế toán tổng hợp và các sổ kế toán chi tiết tài khoản.

- Báo cáo tình hình tài chính của hoạt động dự trữ quốc gia kỳ trước.

##### **3. Nội dung và phương pháp lập**

Đơn vị phải trình bày các chỉ tiêu theo mẫu quy định, khi lập báo cáo chỉ tiêu nào không có phát sinh thì bỏ trống phần số liệu.

##### **3.1. Chỉ tiêu cột:**

- Cột STT, chỉ tiêu và cột mã số (cột A, cột B, cột C): Đơn vị phải chấp hành theo đúng mẫu quy định, không sắp xếp lại.

- Cột thuyết minh (cột D): Dùng để đánh mã số chỉ tiêu thuyết minh có liên quan trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, mục đích để người đọc báo cáo tài chính có thể dẫn chiếu nhanh chóng tới nội dung thuyết minh chi tiết của các chỉ tiêu này.

- Cột số liệu: Số liệu ghi vào Báo cáo tình hình tài chính chia làm 2 cột:

+ Cột 1: phản ánh số cuối năm là số dư thời điểm 31/12 năm lập báo cáo sau khi đã khóa sổ kế toán.

+ Cột 2: phản ánh số đầu năm là số dư thời điểm 01/01 năm lập báo cáo, được chuyển sang từ năm trước.

##### **3.2. Phương pháp lập các chỉ tiêu báo cáo**

##### **3.2.1. Tài sản**

**- Tiền - Mã số 01**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của vốn dự trữ quốc gia hiện đang tồn quỹ đơn vị tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền bao gồm tiền mặt đã rút còn tồn tại quỹ tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, kho bạc, tiền đang chuyển từ vốn DTQG.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các tài khoản 111 “Tiền mặt” (chi tiết tiền mặt vốn DTQG); TK 112 “Tiền gửi ngân hàng, kho bạc” (chi tiết tiền gửi vốn DTQG); TK 113 “Tiền đang chuyển” (chi tiết tiền đang chuyển vốn DTQG).

**- Các khoản phải thu - Mã số 10**

Chỉ tiêu này Phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản phải thu của hoạt động mua bán hàng DTQG và các hoạt động DTQG khác của đơn vị tại ngày lập báo cáo tài chính.

Mã số 10 = Mã số 11 + Mã số 12 + Mã số 13

+ *Phải thu về vốn DTQG- Mã số 11*

Phản ánh số dư khoản phải thu của đơn vị về vốn DTQG tại ngày lập báo cáo tài chính, bao gồm phải thu về hàng DTQG thiếu chờ xử lý, phải thu về bán hàng DTQG, phải thu hàng DTQG thiếu hụt phải bồi thường, phải thu vốn DTQG khác.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 145 “Phải thu vốn DTQG”.

+ *Hàng DTQG đang đi trên đường- Mã số 12*

Phản ánh giá trị của các loại hàng DTQG đơn vị đã mua, đã thuộc quyền quản lý của đơn vị nhưng hàng chưa về nhập kho, còn đang trên đường vận chuyển, còn đang ở các bến bãi hoặc đang gửi ở kho người bán, người vận chuyển tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 151 “Hàng DTQG đang đi đường”.

+ *Phải thu khác hoạt động DTQG- Mã số 13*

Phản ánh số dư các khoản phải thu khác của hoạt động DTQG tại đơn vị còn tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của các TK 1415 “Tạm ứng vốn mua hàng DTQG”, số dư Nợ TK 345 “Phải trả vốn DTQG” (nếu có) và các TK có liên quan khác.

**- Hàng DTQG tồn kho - Mã số 20**

Phản ánh giá trị hàng dự trữ quốc gia tồn kho tại đơn vị như hàng DTQG tạm xuất, hàng DTQG đang bảo quản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Mã số 20 = Mã số 21 + Mã số 22

**+ Hàng hóa DTQG trong kho - Mã số 21**

Phản ánh số hiện có tại đơn vị của các loại hàng dự trữ quốc gia, bao gồm hàng dự trữ quốc gia do đơn vị dự trữ quốc gia trực tiếp bảo quản và hàng dự trữ quốc gia đơn vị đi thuê đơn vị khác bảo quản tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 157 “Hàng DTQG” tại ngày lập báo cáo tài chính.

**+ Hàng DTQG tạm xuất - Mã số 22**

Phản ánh số dư hàng dự trữ quốc gia đơn vị đã tạm xuất, bao gồm hàng dự trữ quốc gia xuất gia công; hàng dự trữ quốc gia luân phiên đổi hàng; hàng dự trữ quốc gia tạm xuất sử dụng; hàng dự trữ quốc gia tạm xuất khác tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 158 “Hàng DTQG tạm xuất” tại ngày lập báo cáo tài chính.

**- Tài sản khác- Mã số 30**

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các tài sản khác thuộc hoạt động DTQG tại đơn vị, bao gồm các khoản chưa được trình bày trên các chỉ tiêu tài sản nêu trên.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các tài khoản khác phản ánh hoạt động DTQG chưa được phản ánh ở các chỉ tiêu trên (nếu có).

**- Tổng cộng tài sản- Mã số 50**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị tài sản DTQG hiện có ở đơn vị tại thời điểm báo cáo.

Mã số 50 = Mã số 01 + Mã số 10 + Mã số 20 + Mã số 30.

**3.2.2. Nguồn vốn****- Nợ phải trả - Mã số 60**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ phải trả của đơn vị trong hoạt động DTQG tại thời điểm báo cáo.

Mã số 60 = Mã số 61 + Mã số 62 + Mã số 63

+ *Các khoản phải nộp nhà nước về vốn DTQG - Mã số 61*

Phản ánh các khoản đơn vị phải nộp nhà nước về các hoạt động liên quan đến vốn DTQG tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 33381- “Các khoản phải nộp về vốn DTQG”.

+ *Phải trả vốn DTQG - Mã số 62*

Phản ánh các khoản đơn vị phải trả của hoạt động dự trữ quốc gia như Hàng dự trữ quốc gia thừa chờ xử lý, Phải trả về mua hàng dự trữ quốc gia, Ứng vốn DTQG và các khoản phải trả khác của hoạt động quỹ DTQG tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 345 “Phải trả vốn DTQG”.

+ *Phải trả khác hoạt động DTQG - Mã số 63*

Phản ánh các khoản phải trả khác của đơn vị đối với hoạt động dự trữ quốc gia chưa được phản ánh ở các chỉ tiêu nợ phải trả nói trên tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK có liên quan.

- **Nguồn vốn DTQG - Mã số 70**

Phản ánh số dư nguồn vốn dự trữ quốc gia hiện có của đơn vị tại ngày lập báo cáo tài chính.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 451 “Nguồn vốn DTQG”.

- **Tổng cộng nguồn vốn- Mã số 80**

Phản ánh tổng số các nguồn vốn hình thành tài sản của hoạt động DTQG tại đơn vị tại thời điểm báo cáo.

Mã số 80 = Mã số 60 + Mã số 70

- **Chỉ tiêu “Tổng cộng tài sản” = Chỉ tiêu “Tổng cộng nguồn vốn”.**

Mã số 50 = Mã số 80

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**  
*(Mẫu B03/BCTC-DTr)*

**1. Mục đích**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG do đơn vị kế toán cơ sở lập xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền phục vụ cho hoạt động DTQG trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo của hoạt động DTQG tại đơn vị.

## 2. Nguyên tắc trình bày

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG của đơn vị chỉ phản ánh dòng tiền phát sinh giữa đơn vị với các đơn vị bên ngoài, không phản ánh các luồng tiền phát sinh trong nội bộ đơn vị lập báo cáo.

## 3. Cơ sở lập báo cáo

- Nguồn số liệu trên sổ kế toán tổng hợp và các sổ kế toán chi tiết tài khoản.
- Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG năm báo cáo
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG của năm trước

## 4. Phương pháp lập các chỉ tiêu

- Cột STT, chỉ tiêu và cột mã số (cột A, cột B, cột C): Đơn vị lập theo mẫu quy định, không sắp xếp lại.

- Cột thuyết minh (cột D): Dùng để đánh mã số dẫn chiếu tới các thông tin thuyết minh chi tiết trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động DTQG.

- Cột số liệu: Chia làm 2 cột:

+ Cột 1: Phản ánh số năm nay, là số liệu phát sinh năm lập báo cáo.

+ Cột 2: Phản ánh số năm trước, là số liệu phát sinh đã báo cáo của năm trước (liền kề). Số liệu này được lấy trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG năm trước. Riêng báo cáo năm 2019 cột này không có số liệu.

## 4. Nguyên tắc và phương pháp lập

### - Các khoản thu - Mã số 01

Phản ánh các khoản tiền thu liên quan đến vốn DTQG mà đơn vị được giao quản lý.

Mã số 01 = Mã số 02 + Mã số 03 + Mã số 04

### - Tiền NSNN cấp mua hàng DTQG - Mã số 02

Phản ánh các khoản tiền đơn vị nhận được từ NSNN hoặc cấp trên cấp để mua hàng DTQG.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112, 113 sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 451, 345,... trong năm báo cáo.

### - Tiền thu bán hàng DTQG - Mã số 03

Phản ánh các khoản tiền đơn vị thu được từ việc bán hàng DTQG trong năm.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112, 113 sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 145, ... trong năm báo cáo.

**- Tiền thu khác của hoạt động DTQG - Mã số 04**

Phản ánh các khoản tiền thu khác của vốn DTQG mà đơn vị thu được trong năm, như tiền cấp trên nhận vốn dự trữ quốc gia cấp dưới nộp lên hoặc nhận tiền hoàn ứng do cấp dưới nộp lên bằng tiền và các khoản tiền thu khác của vốn DTQG.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112, 113 sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 451, 345,... trong năm báo cáo.

**- Các khoản chi - Mã số 10**

Phản ánh các khoản tiền chi liên quan đến vốn DTQG.

Mã số 10 = Mã số 11 + Mã số 12

**- Tiền chi mua hàng DTQG - Mã số 11**

Phản ánh các khoản tiền đơn vị đã chi ra để mua hàng DTQG trong năm theo quy định.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112, 113 sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 151, 157, 345,... trong năm báo cáo. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

**- Tiền chi khác của hoạt động DTQG - Mã số 12**

Phản ánh các khoản tiền chi khác đơn vị đã chi ra liên quan đến vốn DTQG trong năm như tiền chi để nộp cấp trên về vốn dự trữ quốc gia và các khoản tiền chi khác liên quan đến hoạt động DTQG. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112, 113 sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 451,... trong năm báo cáo.

**- Lưu chuyển tiền thuần của hoạt động DTQG trong năm - Mã số 15**

Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thu vào với tổng số tiền đơn vị đã chi ra liên quan đến vốn DTQG trong năm. Nếu chỉ tiêu này âm thì ghi trong ngoặc đơn (...).

Mã số 15 = Mã số 01 + Mã số 10

**- Số dư tiền vốn DTQG đầu kỳ- Mã số 19**

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào số liệu chỉ tiêu “Tiền” đầu kỳ báo cáo (Mã số 01 cột “Số đầu năm” trên Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG).

**- Số dư tiền vốn DTQG cuối kỳ- Mã số 20**

Mã số 20 = Mã số 15 + Mã số 19

Đồng thời số liệu chỉ tiêu này bằng số liệu chỉ tiêu “Tiền”- Mã số 01, cột “Số cuối năm” trên Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG cùng năm đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG DTQG** *(Mẫu số B04/BCTC-DTr)*

### **1. Mục đích:**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hoạt động DTQG là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính hoạt động DTQG bao gồm các thông tin bổ sung cho các thông tin được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG cũng như các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu.

### **2. Cơ sở lập Thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động DTQG**

- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG năm báo cáo;

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp; Sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết có liên quan;

- Căn cứ vào Thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động DTQG năm trước;

- Căn cứ vào tình hình thực tế quản lý vốn DTQG tại đơn vị và các tài liệu liên quan.

### **4. Phương pháp lập**

Phần số liệu thuyết minh: Đơn vị lập dựa trên cơ sở số liệu sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Thuyết minh khác lập trên cơ sở các yêu cầu quản lý và tình hình phát sinh thực tế trong việc quản lý vốn DTQG tại đơn vị.

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH** **HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA TỔNG HỢP** *(Mẫu B01/BCTC-DTr-TH)*

### **1. Mục đích**

Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có



và nguồn hình thành tài sản liên quan đến hoạt động DTQG của tất cả các đơn vị kế toán thuộc đơn vị cấp trên tại thời điểm 31/12 hàng năm.

## **2. Cơ sở để lập**

- Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp kỳ trước.
- Bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính đối với hoạt động DTQG.

## **3. Nội dung và phương pháp lập**

- Cột STT, chỉ tiêu và cột mã số (cột A, cột B, cột C): Đơn vị lập theo mẫu quy định, không sắp xếp lại.

- Cột thuyết minh (cột D): Dùng để đánh mã số dẫn chiếu tới các thông tin thuyết minh chi tiết trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

- Cột số liệu: Chia làm 2 cột:

+ Cột 1: Phản ánh số cuối năm là số dư thời điểm 31/12 năm lập báo cáo, được tổng hợp từ các đơn vị cấp dưới thuộc phạm vi lập báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã loại trừ đi các giao dịch trong phạm vi nội bộ. Số liệu chỉ tiêu này được lấy từ cột 3 “Số liệu sau loại trừ” trên bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính hoạt động dự trữ Quốc gia.

+ Cột 2: Phản ánh số đầu năm là số dư thời điểm 01/01 năm lập báo cáo. Số liệu này được lấy trên báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp năm trước. Riêng báo cáo năm 2019 cột này đơn vị tổng hợp số liệu từ các đơn vị cấp dưới.

# **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA TỔNG HỢP (Mẫu B03/BCTC-DTr-TH)**

## **1. Mục đích**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp do đơn vị kế toán cấp trên lập xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền phục vụ cho hoạt động DTQG trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo của hoạt động DTQG của tất cả các đơn vị kế toán thuộc phạm vi lập báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp theo quy định.

## **2. Nguyên tắc trình bày**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp chỉ phản ánh dòng tiền phát sinh giữa đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp với các đơn vị bên ngoài,

không phản ánh các luồng tiền phát sinh giữa các đơn vị nội bộ trong cùng đơn vị lập báo cáo với nhau.

### **3. Cơ sở lập báo cáo**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp được lập căn cứ:

- Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp năm báo cáo.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp của năm trước.
- Bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính đối với hoạt động DTQG.

### **4. Phương pháp lập các chỉ tiêu**

- Cột STT, chỉ tiêu và cột mã số (cột A, cột B, cột C): Đơn vị lập theo mẫu quy định, không sắp xếp lại.

- Cột thuyết minh (cột D): Dùng để đánh mã số dẫn chiếu tới các thông tin thuyết minh chi tiết trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

- Cột số liệu: Chia làm 2 cột:

+ Cột 1: Phản ánh số năm nay, là số liệu phát sinh năm lập báo cáo, được tổng hợp từ các đơn vị cấp dưới thuộc phạm vi lập báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp sau khi đã loại trừ đi các giao dịch trong phạm vi nội bộ. Số liệu chỉ tiêu này được lấy từ cột 3 “Số liệu sau loại trừ” trên bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính hoạt động DTQG.

+ Cột 2: Phản ánh số năm trước, là số liệu phát sinh đã báo cáo của năm trước (liền kề). Số liệu này được lấy trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp năm trước. Riêng báo cáo năm 2019 cột này không có số liệu.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ QUỐC GIA TỔNG HỢP (Mẫu B04/BCTC-DTr-TH)**

### **1. Mục đích:**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp cung cấp các thông tin chi tiết thêm cho các khoản mục được trình bày trong các báo cáo Báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp đồng thời chi tiết thêm một số thông tin cần thiết khác theo yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin cho lập báo cáo tài chính nhà nước.

## **2. Nguyên tắc lập**

Thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp phải được trình bày một cách hệ thống theo biểu mẫu và chỉ tiêu đã quy định. Ngoài các thông tin như mẫu biểu quy định, đơn vị có thể bổ sung các nội dung thuyết minh khác để làm rõ hơn các chỉ tiêu đã trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp hoặc phục vụ yêu cầu quản lý của cơ quan cấp trên.

## **3. Cơ sở lập Thuyết minh báo cáo tài chính**

- Căn cứ vào báo cáo tình hình tài chính hoạt động DTQG tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động DTQG tổng hợp năm báo cáo;
- Căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính hoạt động DTQG;
- Căn cứ vào Thuyết minh báo cáo tài chính hoạt động DTQG tổng hợp năm trước;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị cấp trên, các đơn vị thuộc phạm vi lập báo cáo tài chính tổng hợp và các tài liệu liên quan.

## **4. Phương pháp lập**

Lấy số liệu thuyết minh chi tiết từ Bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính;

Riêng số liệu thuyết minh báo cáo của năm 2019 sẽ không có phát sinh số liệu các cột “Số đầu năm”, “Số năm trước”.

Trường hợp trong năm đơn vị có phát sinh về việc điều chỉnh số liệu sau khi báo cáo tài chính năm đã lập và nộp cho cơ quan có thẩm quyền mà số điều chỉnh này có ảnh hưởng trọng yếu đáng kể đến số liệu đã báo cáo thì phải thuyết minh thông tin chi tiết về việc này. Đồng thời phải thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức phương pháp ghi chép các nghiệp vụ phát sinh, việc giải thể, sáp nhập đơn vị,... (nếu có) làm ảnh hưởng thay đổi số liệu báo cáo tài chính so với số liệu đã báo cáo kỳ trước.

Ngoài ra đơn vị có thể thuyết minh các nội dung khác xét thấy cần phải thuyết minh thêm để làm rõ tình hình tài chính trong năm và phục vụ yêu cầu quản lý mà các chỉ tiêu thuyết minh theo mẫu chưa phản ánh được.